

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 86 /2021/TT-BTC

Hà Nội, ngày 6 tháng 10 năm 2021

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ...C.....
	Ngày: 20/10/2021

THÔNG TƯ

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN ĐẾN

Giờ Ngày 20/10

Kính chuyển: TT(2)

Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương (sau đây gọi tắt là Nghị định số 147/2020/NĐ-CP) về cơ chế quản lý tài chính, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động, đánh giá xếp loại người quản lý và chế độ báo cáo, công bố thông tin của Quỹ đầu tư phát triển địa phương; việc thực hiện chức năng Quỹ đầu tư phát triển địa phương của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương do tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập (sau đây gọi tắt là Quỹ).

2. Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là HFIC).

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

4. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1

MỘT SỐ NỘI DUNG QUẢN LÝ VỐN VÀ TÀI SẢN CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 3. Điều chỉnh vốn điều lệ

1. Thẩm quyền quyết định việc thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

2. Phương thức xác định mức vốn điều lệ điều chỉnh của Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện theo quy định đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Trong đó, việc xác định mức điều chỉnh tăng vốn điều lệ được thực hiện như sau:

a) Đối với mức điều chỉnh tăng vốn điều lệ để thực hiện dự án đầu tư hình thành tài sản phục vụ hoạt động của Quỹ và mức điều chỉnh tăng vốn điều lệ theo giá trị tài sản tiếp nhận từ nơi khác chuyển đến, tiếp nhận tiền theo chính sách hỗ trợ của Nhà nước, giá trị chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản, Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

b) Đối với mức điều chỉnh tăng vốn điều lệ theo chiến lược, kế hoạch hoạt động 05 năm, căn cứ vào chiến lược, kế hoạch hoạt động 05 năm của Quỹ đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, mức điều chỉnh tăng vốn điều lệ tối đa bằng mức chênh lệch dự kiến tăng quy mô cho vay, đầu tư của Quỹ.

3. Quỹ đầu tư phát triển địa phương tăng vốn điều lệ để đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP không áp dụng phương thức xác định mức vốn điều lệ điều chỉnh quy định tại khoản 2 Điều này. Quỹ xây dựng phương án bổ sung đủ vốn điều lệ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua để đảm bảo mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định.

4. Quỹ đầu tư phát triển địa phương xác định mức vốn điều lệ điều chỉnh, đề xuất nguồn đầu tư bổ sung vốn điều lệ để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức vốn điều lệ điều chỉnh của Quỹ theo thẩm quyền.

Điều 4. Xây dựng các quy chế quản lý vốn, tài sản và hoạt động

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương có trách nhiệm xây dựng và trình Hội đồng quản lý Quỹ ban hành Quy chế quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, mua sắm và quản lý tài sản cố định; Quy chế huy động vốn; Quy chế cho vay; Quy chế quản lý các khoản đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; Quy chế quản lý các khoản đầu tư theo hình thức hợp đồng, thực hiện dự án đầu tư; Quy chế quản lý hoạt động ủy thác và nhận ủy thác và các quy chế khác theo yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Quy chế quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, mua sắm và quản lý tài sản cố định của Quỹ đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định áp dụng quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

b) Trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng, mua sắm, quản lý, sử dụng, trích khấu hao, cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý, nhượng bán, kiểm kê tài sản cố định của Quỹ áp dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

3. Quy chế huy động vốn gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Mục đích huy động vốn;

b) Các nguồn vốn và hình thức huy động;

c) Các bước xây dựng phương án huy động vốn từ các nguồn theo quy định của pháp luật;

d) Kế hoạch quản lý và sử dụng vốn huy động;

đ) Kế hoạch bố trí nguồn vốn trả nợ lãi, gốc khi đến hạn;

e) Thẩm quyền huy động vốn phù hợp với quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

4. Quy chế cho vay gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Lĩnh vực, đối tượng và điều kiện cho vay đối với từng hình thức cho vay, bao gồm: trực tiếp cho vay, ủy thác cho vay và cho vay hợp vốn;

b) Thời hạn, lãi suất, giới hạn cho vay đối với từng hình thức cho vay theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và nhu cầu quản lý của Hội đồng quản lý Quỹ, quyền và trách nhiệm của các bên;

c) Quy trình thẩm định, thẩm quyền quyết định cho vay và bảo đảm tiền vay;

d) Hình thức bảo đảm tiền vay, cơ chế quản lý tài sản bảo đảm;

đ) Các mẫu hợp đồng trực tiếp cho vay, ủy thác cho vay và hợp vốn cho vay;

e) Quy trình giải ngân, quản lý các khoản cho vay, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng;

g) Quy trình và thẩm quyền xử lý nợ;

h) Quy trình và thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm.

5. Quy chế quản lý các khoản đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Lĩnh vực, đối tượng, điều kiện, hình thức, giới hạn góp vốn;

b) Quy trình xây dựng, thẩm định, thẩm quyền quyết định phương án góp vốn. Trong đó, thẩm quyền quyết định phương án góp vốn thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP;

c) Quy trình góp vốn, góp vốn bổ sung, quản lý và chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn góp thực hiện theo quy định đối với doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra ngoài doanh nghiệp tại pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

d) Quy trình quản lý, giám sát, đánh giá hiệu quả việc góp vốn của Quỹ.

6. Quy chế quản lý các khoản đầu tư theo hình thức hợp đồng, thực hiện dự án đầu tư gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Lĩnh vực, đối tượng, điều kiện, hình thức, giới hạn đầu tư;

b) Quy trình xây dựng, thẩm định, thẩm quyền quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư. Trong đó, thẩm quyền quyết định đầu tư tuân thủ quy định tại Điều 21 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP;

c) Quy trình thực hiện, giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư;

d) Quy trình đầu tư bổ sung, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư;

đ) Quy trình trích lập dự phòng rủi ro;

e) Quy trình và thẩm quyền xử lý rủi ro.

7. Quy chế quản lý hoạt động ủy thác và nhận ủy thác gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Quy trình ủy thác hoạt động cho vay, đầu tư;

b) Quy trình nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư, cho vay và thu hồi nợ, cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, từ các ngân hàng chính sách, từ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; quy trình nhận ủy thác quản lý nguồn vốn; hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước tại địa phương;

c) Quyền và trách nhiệm của các bên tham gia;

d) Thẩm quyền phê duyệt, nguyên tắc ký hợp đồng và nội dung chủ yếu của văn bản ủy thác.

Mục 2

MỘT SỐ NỘI DUNG QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ, CHÊNH LỆCH THU CHI CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 5. Doanh thu và thu nhập khác

1. Doanh thu hoạt động nghiệp vụ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương:

a) Thu từ hoạt động đầu tư;

b) Thu từ hoạt động chuyển nhượng các khoản đầu tư;

c) Thu lãi cho vay vốn, bao gồm cả vốn cho vay theo hình thức hợp vốn cho vay hoặc ủy thác cho vay;

d) Thu phí nhận ủy thác theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác;

đ) Thu phí thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

e) Thu từ hoạt động nghiệp vụ khác.

2. Doanh thu từ hoạt động tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương:

a) Thu lãi tiền gửi;

b) Thu chênh lệch tỷ giá (nếu có);

c) Thu từ hoạt động tài chính khác.

3. Thu nhập khác: